

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 284/2024/HSPT

Ngày: 27-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên.

Bà Đỗ Thị Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Tuấn Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2024/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2024/QĐPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024.

Do có kháng cáo của các bị cáo **Lâm Thành N**, **Lâm Huỳnh Duy K**, **Đỗ Nguyễn Minh A**, **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **Nguyễn Phú Gia P1**, **Bùi Quốc H**, **Châu Trường S**, **Đỗ Trọng N1**; ông **Lê Văn T** là người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lê Gia H1**, ông **Đỗ Phi K1** là người đại diện hợp pháp của bị cáo **Đỗ Nguyễn Minh A** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 742/2023/HS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lâm Thành N**. Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

Sinh ngày 15 tháng 01 năm 2006, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: **Ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai**.

Nơi cư trú hiện nay: 380/36, **Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông **Lâm Văn H2**, sinh năm 1980 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1984. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lâm Thành N**: ông **Lâm Văn H2**, sinh năm 1980 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **3, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** (**ông H2 vắng mặt, bà M có mặt**).

2. Họ và tên: **Lâm Huỳnh Duy K**. Tên gọi khác: **Khang L**; Boi.

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: **15/73, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nơi cư trú hiện nay: **số B, khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 01/12. Họ tên cha không rõ, họ tên mẹ là bà **Lâm Thị Ngọc N2**, sinh năm 1986. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lâm Huỳnh Duy K**: Bà **Lâm Thị Ngọc N2**, sinh năm 1986 (hiện đang chấp hành án tại **Trại giam X, tỉnh Đồng Nai**) nên ông **Lâm P2**, sinh năm 1963 (là ông ngoại) là người đại diện. Nơi cư trú: **293/50, KP5, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** (**ông P2 có mặt**).

3. Họ và tên: **Nguyễn Huỳnh Thanh P**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 08 tháng 02 năm 2006, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký thường trú: **Tổ A, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nơi cư trú hiện nay: **K, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông **Nguyễn Thanh P3**, sinh năm 1981 và bà **Huỳnh Thị Ngọc T1**, sinh năm 1982. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. **Bị cáo có mặt**.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Nguyễn Huỳnh Thanh P**: ông **Nguyễn Thanh P3**, sinh năm 1981 và bà **Huỳnh Thị Ngọc T1**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: **K, Khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** (**Ông P3 vắng mặt, bà T1 có mặt**).

4. Họ và tên: **Lê Gia H1**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 16 tháng 4 năm 2006, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: **211/30, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: sinh viên. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông **Lê Văn T**, sinh năm 1973 và bà **Trần Thị N3**, sinh năm 1978. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Gia H1*: ông Lê Văn T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị N3, sinh năm 1978; Nơi cư trú: số B, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Ông T có mặt, bà N3 vắng mặt*).

5. Họ và tên: **Đỗ Nguyễn Minh A**. Tên gọi khác: **An Đ**; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12 tháng 02 năm 2006, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 23/114, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông **Đỗ Phi K1**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1980. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Nguyễn Minh A*: ông **Đỗ Phi K1**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: số B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*ông K1 vắng mặt, bà D có mặt*).

6. Họ và tên: **Đỗ Trọng N1**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 02 tháng 3 năm 2006, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 620/142, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông **Đỗ Văn T2**, sinh năm 1976 và bà **Hoàng Thu T3**, sinh năm 1980. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Trọng N1*: ông **Đỗ Văn T2**, sinh năm 1976 và bà **Hoàng Thu T3**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: số F, Tổ E, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Ông T2 vắng mặt, bà T3 có mặt*).

7. Họ và tên: **Bùi Quốc H**. Tên gọi khác: Huy Bùi; Giới tính: Nam

Sinh ngày 09 tháng 01 năm 2006, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: 24/8, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: C, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 8/12. Con ông **Bùi Huy H3**, sinh năm 1977 và bà **Đinh Thị H4**, sinh năm 1980. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Quốc H*: ông **Bùi Huy H3**, sinh năm 1977 và bà **Đinh Thị H4**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: số C, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Ông H3 vắng mặt, bà H4 có mặt*).

8. Họ và tên: **Nguyễn Phú Gia P1**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2005, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 113, tổ F, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên Chúa. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Nguyễn Phú L1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Uyên T4, sinh năm 1980. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phú Gia P1: ông Nguyễn Phú L1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Uyên T4, sinh năm 1980; Nơi cư trú: số A, tổ F, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Ông L1 có mặt, bà T4 vắng mặt).

9. Họ và tên: Nguyễn Huỳnh Thanh Q. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 08 tháng 02 năm 2006, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: K, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông Nguyễn Thanh P3, sinh năm 1981 và bà Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh năm 1982. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Huỳnh Thanh Q: ông Nguyễn Thanh P3, sinh năm 1981 và bà Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: K, Khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Ông P3 vắng mặt, bà T1 có mặt).

10. Họ và tên: Châu Trường S. Tên gọi khác: Bát T5; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 30 tháng 9 năm 2004, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 73A/13/34B, khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông Châu Trường H5, sinh năm 1977 và bà Phan Thị Phương T6, sinh năm 1983. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Châu Trường S: ông Châu Trường H5, sinh năm 1977 và bà Phan Thị Phương T6, sinh năm 1983; Nơi cư trú: số G, khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Ông H5, bà T6 có mặt).

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Người bào chữa cho bị cáo Lâm Huỳnh Duy K: Bà Nguyễn Ngọc H6 – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; Địa chỉ: Số B, đường C, phường T, TP., tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Lê Gia H1: Bà Nguyễn Thị L2 – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; Địa chỉ: Số B, đường C, phường T, TP., tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Lê Gia H1: Ông Nguyễn Hữu B – Luật sư thuộc Công ty L4, Đoàn luật sư T17. Có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo Lâm Thành N: Luật sư Phạm Văn Đ1 – Thuộc Văn phòng L5 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Số D, đường C, phường Q, TP., tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo khác nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/5/2022, Trần Hoàng L3 (Lâm H7) nhắn tin cho chị Đinh Huỳnh Nhã U (bạn gái của Đinh Minh Đ2) rủ chị U đi chơi. Đinh Minh Đ2 đọc được tin nhắn nêu trên thì ghen tức nên nhắn tin lời qua tiếng lại với Hoàng L3, hai bên chửi nhau, thách thức đánh nhau trên mạng xã hội Facebook rồi hẹn đánh nhau vào lúc 01 giờ 30 phút ngày 15/5/2022, tại khu vực cầu V, thuộc khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Để có số đông người cùng tham gia đánh nhau, Đinh Minh Đ2 điện thoại rủ thêm nhiều người tham gia cùng đi đánh nhau với nhóm Lâm H7, đồng thời Đ2 kêu gọi những người được rủ gọi thêm người cùng tham gia đi đánh nhau, cụ thể là:

+ Đ2 rủ: Lâm Thành N, Lâm Huỳnh Duy K (K; B), Lê Gia H1, Nguyễn Phú Gia P1, Bùi Quốc H, Phạm Nhật T7, Phạm Đoàn Chấn V (Vũ Phạm, sinh ngày 23/3/2007), Nguyễn Anh Tuấn V1 (sinh ngày 10/10/2006), Nguyễn Minh T8 (sinh ngày 23/6/2006), Nguyễn Hải Đ3 (sinh ngày 12/10/2006), Đinh Quốc H8 (D, sinh ngày 19/10/2006), T9, Đ4, D1 (D), H9 (H), N4 (Chưa rõ lai lịch) và một số nam thanh niên khác chưa rõ tên, địa chỉ.

+ Lâm Thành N gọi điện rủ Lâm Huỳnh Duy K (K; B), Nguyễn Huỳnh Thanh P, Hồ Quốc B1 (Bảo nhỏ, sinh ngày 01/6/2006), Huỳnh Lâm Uy T10 (sinh ngày 28/11/2006), tham gia đi đánh nhau giúp cho Minh Đ2 và nói K, P, B1 rủ thêm người cùng giúp Minh Đ2 tham gia đi đánh nhau;

+ Nguyễn Huỳnh Thanh P rủ Nguyễn Huỳnh Thanh Q;

+ Hồ Quốc B1 rủ đối tượng tên D2 (không rõ lai lịch);

+ Lâm Huỳnh Duy K rủ Nguyễn Trọng Đ5 (Đ). Sau khi được rủ Trọng Đức chuẩn bị và mang theo 03 (ba) dao phông lợn (là đoạn tuýp sắt dài khoảng 2m, một đầu hàn lưỡi dao sắc nhọn);

+ Phạm Đoàn Chấn V rủ Đỗ Nguyễn Minh A;

+ Lê Gia H1 rủ Lê Hồng P4 (sinh ngày 15/5/2006);

+ Nguyễn Anh Tuấn V1 rủ Phạm Thanh P5 (sinh ngày 14/6/2007);

+ Nguyễn Minh T8 rủ Lưu Minh N5 (sinh ngày 15/3/2007), tham gia đi đánh nhau giúp cho Minh Đ2;

Ngoài ra, chưa rõ người rủ nhưng nhóm **Minh Đ2** còn có: **Lương Dĩ H10**, **Lý T11**, **T** (Chưa rõ lai lịch) và một số nam giới khác (chưa rõ tên, địa chỉ) cũng tham gia đi đánh nhau với nhóm **Trần Hoàng L3**.

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 14/5/2022, nhóm **Đinh Minh Đ2** tập trung tại khu vực nghĩa địa **phường T, thành phố B** với số lượng người khoảng trên 30 người và đã chuẩn bị sẵn nhiều dao tự chế, dao phóng lợn, vỏ chai bia thủy tinh, 02 (hai) súng bắn đạn thể thao, đạn chì. Tại đây, **Minh Đ2** đưa cho **Tuấn V1** và **Đỗ Nguyễn Minh A** 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đi mua xăng về đổ vào 15 (mười lăm) chai “bom xăng”. Sau đó, **Minh Đ2** phát dao tự chế, dao phóng lợn, “bom xăng” cho những người tham gia đi đánh nhau.

Cụ thể: **Nguyễn Trọng Đ5** cầm 01 (một) dao phóng lợn, **Hồ Quốc B1** cầm 01 (một) dao phóng lợn, **Lê Gia H1** cầm 01 (một) chai “bom xăng”, **Bùi Quốc H** cầm 01 (một) chai “bom xăng” và 01 (một) vỏ chai bia thủy tinh, **Lâm Huỳnh Duy K** cầm 01 (một) dao phóng lợn và 01 (một) cục gạch ống, **Nguyễn Huỳnh Thanh P** và **Nguyễn Phú Gia P1** cầm 01 (một) vỏ chai bia thủy tinh và gạch, **Đỗ Nguyễn Minh A** cầm 01 (một) vỏ chai bia thủy tinh, **Lâm Thành N** và **Nguyễn Huỳnh Thanh Q** cầm gạch, đá, **Lê Hồng P4** cầm 01 (một) chai “bom xăng”, **Lưu Minh N5** cầm 01 (một) dao rựa, **Huỳnh Lâm Uy T10** cầm 02 (hai) cục đá kích thước khoảng 15 x 15 cm, **Nguyễn Minh T8** cầm 01 (một) chai “bom xăng”, **Phạm Đoàn C V** cầm 01 (một) chai “bom xăng”, **Nguyễn Anh T12 V1** cầm 01 (một) vỏ chai bia thủy tinh, **Đinh Quốc H8** cầm 02 (hai) cục đá kích thước khoảng 7 x 8 cm, **Phạm Thanh P5** cầm 01 (một) chai “bom xăng” và 02 (hai) vỏ chai bia thủy tinh, **Nguyễn Hải Đ3** cầm 01 (một) chai “bom xăng”. Những người còn lại trong nhóm cầm hung khí là súng, dao phóng lợn, dao tự chế, “bom xăng”, vỏ chai bia thủy tinh (Chưa rõ cụ thể hung khí của từng người sử dụng).

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 15/5/2022, **Minh Đ2** cầm 01 (một) dao phóng lợn dài khoảng 02m dẫn cả nhóm cầm theo hung khí đi bộ ra **đường P, đoạn cầu V, thuộc khu phố A, phường T, thành phố B** đứng hai bên đường chờ nhóm **Trần Hoàng L3**.

* Về phía **Trần Hoàng L3**, sau khi thách thức đánh nhau và để có số đông cùng tham gia đi đánh nhau với nhóm **Minh Đ2** thì **L3** đã rủ và kêu gọi người được rủ gọi thêm người cùng tham gia đi đánh nhau, cụ thể:

+ **L3** rủ: **Bùi Đức T13** (Tài B), **Phạm Lê Thành H11**, **Nguyễn Quốc T14** (**Tuấn C1**), **Nguyễn Văn N6** (N), **Trần Tuấn K2** (sinh ngày 29/12/2006).

+ **Nguyễn Văn N6** rủ **Nguyễn Thành Đ6** (Đ), **Châu Trường S** (B), **Đỗ Trọng N1** (**N1** cũng rủ **S** cùng tham gia);

+ **Bùi Đức T13** rủ **Trần Đức A1** cùng tham gia đi đánh nhau giúp cho **Hoàng L3**.

Ngoài ra, chưa rõ người rủ nhưng nhóm **Hoàng L3** còn có: **Lê Trần Phú Q1**, **Dương Thanh S1**, **Trần Hoàng S2** (C), **Nguyễn Minh N7** (N), **Minh T15**, **Thiên N8**, **T**, **Bo N9**, **T**, **Huy B2**, **Hiếu M1**, **Bảo K3**, **C**, **Bé C** (C), **T16**, ... (Chưa rõ lai lịch, địa chỉ) cùng tham gia đi đánh nhau.

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 15/5/2022, nhóm **H13** tập trung tại khu vực **chợ T18** (gần nghĩa địa **phường T**), **thành phố B** khoảng trên 30 người và đã chuẩn bị sẵn nhiều dao tự chế, dao phóng lợn, “bom xăng”, 03 (ba) súng bắn đạn thể thao, đạn chì,

vỏ chai bia thủy tinh (Chưa rõ người chuẩn bị). Sau đó, **Hoàng L3** cầm 01 (một) dao phóng lộn dài khoảng 02m dẫn nhóm cầm theo hung khí đi đánh nhau.

Cụ thể: **Đức A1** điều khiển xe mô tô biển số 60F3-928.11 chở **Đức T13** cầm 01 (một) dao phóng lộn; **S1** điều khiển xe mô tô biển số 60F3-924.67 chở **N1** cầm 01 (một) dao phóng lộn; 01 nam giới trong nhóm (chưa rõ tên, địa chỉ) điều khiển xe mô tô chở **Đ6** cầm 01 (một) dao phóng lộn; **T16** điều khiển xe mô tô chở **Quốc T14** cầm 01 (một) dao tự chế; Công Hậu điều khiển xe mô tô chở **Thành H11** cầm 05 (năm) vỏ chai bia thủy tinh; **N6** điều khiển xe mô tô biển số 60H1-210.38 chở 01 nam giới trong nhóm (chưa rõ tên, địa chỉ) ngồi sau mang theo 01 (một) thùng (két) vỏ chai bia thủy tinh; 01 nam giới trong nhóm (chưa rõ tên, địa chỉ) điều khiển xe mô tô chở **Tuấn K2** cầm 01 (một) viên gạch ống (loại 4 lỗ); **Hoàng L3** và các đối tượng khác trong nhóm chở nhau bằng xe mô tô mang theo dao tự chế, dao phóng lộn, “bom xăng”, vỏ chai bia thủy tinh, gạch, đá và 03 (ba) súng bắn đạn thể thao, đạn chì.

Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả nhóm **Hoàng L3** chở nhau đến khu vực **cầu V trên đường P, thuộc khu phố A, phường T, thành phố B**, gặp nhóm **Minh Đ2**. Hai nhóm xông vào dùng súng, dao tự chế, dao phóng lộn, đốt ném “bom xăng”, ném vỏ chai bia thủy tinh, gạch, đá và la hét đuổi đánh, bắn nhau gây náo loạn mất trật tự khu dân cư. Nhóm **Hoàng L3** thất thế bỏ chạy một đoạn khoảng 300m rồi kêu gọi nhau quay lại dùng súng, dao tự chế, dao phóng lộn rượt đuổi bắn, đánh chém nhóm **Minh Đ2**. Sau đó, hai nhóm bỏ đi, mang theo hung khí tẩu tán. Hậu quả: **Hồ Quốc B1** bị bắn trúng chân phải và **Đinh Minh Đ2** bị bắn trúng đùi phải gây thương tích. **Đinh Minh Đ2** được anh **Trần Duy P6 (H12)** và **Phạm Nhật T7** chở đến **Bệnh viện Q2** cấp cứu và điều trị thương tích. Trên đường đi cấp cứu, **Đinh Minh Đ2** và **Phạm Nhật T7** tiếp tục bị đối tượng (chưa rõ) thuộc nhóm **Lâm H7** dùng dao chém vào tay trái **Đinh Minh Đ2** và vào lưng **Nhật T7** gây thương tích. Sau đó, **Nhật T7** được anh **Đào Quang V2 (Mầm)** chở đến **Bệnh viện Q2** điều trị thương tích.

Tại Cơ quan điều tra, **Đinh Minh Đ2**, **Lê Gia H1**, **Lâm Thành N**, **Lâm Huỳnh Duy K**, **Đỗ Nguyễn Minh A**, **Nguyễn Phú Gia P1**, **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **Bùi Quốc H**, **Nguyễn Trọng Đ5**, **Nguyễn Văn N6**, **Châu Trường S**, **Đỗ Trọng N1**, **Nguyễn Thành Đ6**, **Phạm Lê Thành H11**, **Bùi Đức T13**, **Trần Đức A1**, **Nguyễn Quốc T14** khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

* Kết luận giám định số 4565/KL-KTHS ngày 24/8/2022 của Giám định viên Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Không đủ cơ sở để xác định 04 (bốn) vỏ đạn ký hiệu OZK 9mm P.A, 05 (năm) vỏ đạn ký hiệu YAS GLD 9mm PAK, 01 (một) vỏ đạn kim loại dài 1,5cm có phải là vũ khí quân dụng hoặc có tính năng tác dụng, tương tự vũ khí quân dụng không và mức độ sát thương đến tính mạng con người.

- Vật kim loại màu đen không rõ hình dạng là đạn đã bắn thuộc loại đạn dùng cho súng thể thao, không phải đạn của vũ khí quân dụng. Khi bắn vào cơ thể người có thể gây thương vong.

* Kết luận giám định pháp y tâm thần số 88/KL-VPYTW ngày 09-02-2023 của Hội đồng giám định thuộc **Viện pháp y tâm thần Trung ương B4** đã kết luận về **Lâm Thành N**:

- Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh rối loạn hành vi ở người còn thích ứng với xã hội (F92.2-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Kết luận giám định pháp y tâm thần số 664/KL-VPTW ngày 15/9/2023 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương B4, đã kết luận đối với Nguyễn Thành Đ6:

- Về Y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn / Động kinh (F07.8 / G40 – ICD. 10).

- Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện tại: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 742/2023/HS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã Quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo: Đinh Minh Đ2, Nguyễn Văn N6, Lâm Thành N, Bùi Đức T13, Lâm Huỳnh Duy K, Nguyễn Huỳnh Thanh P, Lê Gia H1, Nguyễn Trọng Đ5, Đỗ Nguyễn Minh A, Nguyễn Thành Đ6, Đỗ Trọng N1, Nguyễn Quốc T14, Phạm Lê Thành H11, Bùi Quốc H, Nguyễn Phú Gia P1, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Trần Đức A1 và Châu Trường S, phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Đinh Minh Đức 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2023.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Phạm Lê Thành H11 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 286/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thành hình phạt tù. Buộc bị cáo **Phạm Lê Thành H11** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2023. Thời gian bị tạm giam của bị cáo **Phạm Lê Thành H11** từ ngày 16/4/2020 đến ngày 25/4/2020

theo Bản án số 286/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, được trừ vào thời gian chấp hành án.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Trần Đức A1 02 (hai) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 286/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thành hình phạt tù. Buộc bị cáo **Trần Đức A1** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2023. Thời gian bị tạm giam của bị cáo **Trần Đức A1** từ ngày 16/4/2020 đến ngày 25/4/2020 theo Bản án số 286/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, được trừ vào thời gian chấp hành án.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bùi Đức T13 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2023.

2.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 56, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Nguyễn Văn N6 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 579/2022/HSST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo **Nguyễn Văn N6** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **04 (bốn) năm 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2022.

2.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 56, Điều 91, Điều 101, Điều 104 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Nguyễn Trọng Đ5 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 18 (Mười tám) năm tù tại Bản án số 74/2023/HSST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo **Nguyễn Trọng Đ5** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **18 (Mười tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2022.

2.7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: **L (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Thành Đ6 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: **Lâm Huỳnh Duy Khang 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Huỳnh Thanh P 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Lê Gia H1 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Đỗ Nguyễn Minh A 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Đỗ Trọng N1 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Quốc T14 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Bùi Quốc H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Phú Gia P1 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Huỳnh Thanh Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Châu Trường Sang 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/01/2024, **Lâm Huỳnh Duy K**, ông **Lê Văn T** là người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lê Gia H1** kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/01/2024, ông **Đỗ Phi K1** là người đại diện hợp pháp của bị cáo **Đỗ Nguyễn Minh A**, bị cáo **Đỗ Nguyễn Minh A**, bị cáo **Lâm Thành N** kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 05/01/2024, bị cáo **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **Nguyễn Phú Gia P1**, **Bùi Quốc H** kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 11/01/2024, bị cáo **Châu Trường S**, **Đỗ Trọng N1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

*** Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư bào chữa cho các bị cáo:**

1. Người bào chữa cho bị cáo **Lâm Huỳnh Duy K**, bà **Nguyễn Ngọc H6**: Thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, nhưng mức án 01 năm 09 tháng tù đối với bị cáo còn quá nghiêm khắc, chưa phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Qua toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo **Lâm Huỳnh Duy K** đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Em ruột của bà ngoại bị cáo **K** có thời gian giam tha **Q3** là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, bị cáo **K** còn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo phạm tội còn ở tuổi chưa thành niên, suy nghĩ còn nông nổi, không nhận thức hết được mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo **K** không phải là người khởi xướng, cầm đầu, bị cáo có vai trò thứ yếu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là nghiêm khắc. Bị cáo có đầy đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lâm Huỳnh Duy K**, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

2. Người bào chữa cho bị cáo **Lê Gia H1**, bà **Nguyễn Thị L2**: Thông nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, nhưng mức án 01 năm 07 tháng thù đối với bị cáo **Lê Gia H1** là nghiêm khắc.

Từ khi xảy ra vụ án, bị cáo rất ăn năn hối cải. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo tham gia với vai trò không đáng kể. Bị cáo phạm tội khi mới hơn 16 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ là công nhân. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo. Hiện bị cáo đang là sinh viên năm thứ 2, quá trình học tập bị cáo không vi phạm kỷ luật. Bị cáo có đầy đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn. Do đó, đề nghị Hội đồng xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt và cho bị cáo **Lê Gia H1** được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện học tập, trở thành người công dân tốt.

3. Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **Lê Gia H1**, luật sư **Nguyễn Hữu B** trình bày:

Hoàn toàn thống nhất với ý kiến tranh luận của bà **L2** là người bào chữa cho bị cáo **Lê Gia H1**. Các bị cáo **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **Lê Gia H1** phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Các bị cáo tham gia bất chợt khi mới hơn 16 tuổi, nhận thức còn hạn chế. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm không đáng kể. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **P**, **Q** có cung cấp giấy tờ xác nhận có anh là người đang tham gia nghĩa vụ quân sự bảo vệ sự bình yên của xã hội. Bị cáo **P** bị tai nạn, bác sỹ chỉ định phải tiến hành phẫu thuật và đây là thời gian vàng để giúp bị cáo chữa trị. Gia đình bị cáo **P**, **Q** có hoàn cảnh khó khăn.

Tại Điều 91 Bộ luật hình sự đã nêu rõ việc xét xử các bị cáo vị thành niên chỉ nhằm giáo dục là chính. Ngay cả trên diễn đàn, đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao **Nguyễn Hòa B3** cũng xác định không nên xử phạt tù đối với bị cáo là trẻ vị thành niên. Các bị cáo cũng có đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự và cho các bị cáo Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Lê Gia H1 được hưởng án treo để thể hiện tính nhân đạo.

4. Luật sư bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Lâm Thành N trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt:

Nhận thấy mức phạt 01 năm 06 tháng tù của Toà án sơ thẩm là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Lâm Thành N. Mặc dù làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng Lâm Thành N không bổ sung được tình tiết mới nào. Do vậy, đề nghị Toà phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

Đơn kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền lợi ích của tổ chức, cá nhân, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, riêng bị cáo N bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo N và Quốc H có ông ngoại là người có công với cách mạng; em ruột của bà ngoại bị cáo K tham gia Q3 (điểm s, q khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N 01 năm 06 tháng tù; các bị cáo K, P, A mỗi bị cáo bị xử phạt 01 năm 09 tháng tù; các bị cáo Lê Gia H1, N1, P1 mỗi bị cáo 01 năm 07 tháng tù; các bị cáo Bùi Quốc H, Q, S mỗi bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp được một số tình tiết mới. Tuy nhiên, xét thấy mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 742/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Lâm Thành N, Lâm Huỳnh Duy K, Đỗ Nguyễn Minh A, Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Phú Gia P1, Bùi Quốc H, Châu Trường S, Đỗ Trọng N1; ông Lê Văn T là người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Gia H1, ông Đỗ Phi K1 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Nguyễn Minh A kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, người làm chứng, cũng như các tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn cá nhân trên mạng xã hội, **Đinh Minh Đ2** và **Trần Hoàng L3 (L)** lời qua tiếng lại chửi nhau, thách thức đánh nhau và hẹn địa điểm để đánh nhau. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/5/2022, hai nhóm gặp nhau tại **đường P**, đoạn thuộc **khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nhóm của **Đinh Minh Đ2**, gồm: **Lâm Thành N**, **Lâm Huỳnh Duy K**, **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Lê Gia H1**, **Nguyễn Trọng Đ5**, **Đỗ Nguyễn Minh A**, **Bùi Quốc H**, **Nguyễn Phú Gia P1**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **Phạm Đoàn Chấn V** (Vũ Phạm) - sinh ngày 23/3/2007, **Nguyễn Anh Tuấn V1** - sinh ngày 10/10/2006, **Nguyễn Minh T8** - sinh ngày 23/6/2006, **Nguyễn Hải Đ3** - sinh ngày 12/10/2006, **Đinh Quốc H8** (Dino) - sinh ngày 19/10/2006, **Hồ Quốc B1** (Bảo nhỏ) - sinh ngày 01/6/2006, **Huỳnh Lâm Uy T10** - sinh ngày 28/11/2006, **Phạm Thanh P5** - sinh ngày 14/6/2007, **Lưu Minh N5** - sinh ngày 15/3/2007, **Phạm Nhật T7**, **Lê Hồng P4**, **Lương Dĩ H10**, **Lý T11, T, T13, Đ4, D1 (D), H10 (H), N5, D2**,... mang theo súng bắn đạn thể thao, đạn chì, dao tự chế, dao phóng lộn, “bom xăng”, vỏ chai bia thủy tinh, gạch, đá,... đến địa điểm nêu trên đánh nhau với nhóm **Trần Hoàng L3**.

Nhóm của **Trần Hoàng L3**, gồm: **Nguyễn Văn N6**, **Bùi Đức T13**, **Nguyễn Thành Đ6**, **Đỗ Trọng N1**, **Nguyễn Quốc T14**, **Phạm Lê Thành H11**, **Trần Đức A1**, **Châu Trường S**, **Trần Tuấn K2** - sinh ngày 29/12/2006, **Trần Hoàng L3**, **Lê Trần Phú Q1**, **Dương Thanh S1**, **Trần Hoàng S2 (C)**, **Nguyễn Minh N7 (N)**, **Minh T15**, **Thiên N8, T, Bo N9, T, Huy B2, Hiếu M1, Bảo K3, C, Bé C2 (C), T16** và các đối tượng khác (chưa rõ tên, địa chỉ) cũng mang theo nhiều dao tự chế, dao phóng lộn, “bom xăng”, 03 (ba) súng bắn đạn thể thao, đạn chì, vỏ chai bia thủy tinh đến địa điểm trên để đánh nhau với nhóm của **Đinh Minh Đ2**.

Khi gặp nhau, hai nhóm sử dụng súng bắn đạn thể thao, đạn chì, dao tự chế, dao phóng lộn, “bom xăng”, vỏ chai bia thủy tinh, gạch, đá,... la hét rượt đuổi đánh, ném và bắn nhau gây náo loạn mất trật tự khu dân cư, gây thương tích cho **Phạm Nhật T7, Đinh Minh Đ2, Hồ Quốc B1**.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo trong vụ án rủ rờ nhau (khoảng hơn 30 đối tượng) sử dụng súng bắn đạn thể thao bắn nhau, đem theo dao tự chế rượt đuổi, đánh nhau, dùng gạch, đá và vỏ chai thủy tinh, đốt ném chai “bom xăng”, la hét gây náo loạn cả một khu vực, gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân sống tại địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự chung. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Ngoài **Đinh Minh Đ2** và **Trần Hoàng L3** có mâu thuẫn cá nhân với nhau thì các bị cáo trong nhóm của **Đinh Minh Đ2** và các bị cáo trong nhóm của **Trần Hoàng L3** hoàn toàn không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi thấy có người rủ rờ, các bị cáo sẵn sàng sử dụng hung khí nguy hiểm cùng đồng bọn tham gia thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác và xem thường

pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi dùng vũ khí, hung khí của các bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Toà án nhân dân TP Biên Hoà đã xét xử và tuyên các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, nhận thấy:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 742/2023/HS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt các bị cáo: **Lâm Thành N**, **Bùi Quốc H**, **Nguyễn Huỳnh Thanh Q**, **C3 Trường S3** (một) năm 06 (sáu) tháng tù; **Lâm Huỳnh Duy K**, **Nguyễn Huỳnh Thanh P**, **Đỗ Nguyễn Minh A** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; **Lê Gia H1**, **Đỗ Trọng N1**, **Nguyễn Phú Gia P1** 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Kèm theo đơn kháng cáo, bị cáo **Lâm Thành N** cung cấp các toa thuốc, tài liệu thể hiện cha và em của bị cáo bị bệnh tâm thần nhẹ; bị cáo **Lê Gia H1** cung cấp giấy xác nhận thể hiện cáo đang là sinh viên năm thứ 2 trường Cao đẳng công nghệ và **quản trị S4**; ông **Bùi Huy Hoàng** cung c giấy xác nhận thể hiện bị cáo **Bùi Quốc H** hiện là sinh viên **trường Cao đẳng F – Trung tâm FPT Polytechnic Thành phố H** và giấy xác nhận ông **H7** đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; gia đình bị cáo **Lâm Huỳnh Duy K** cung cấp đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì khác.

Xét: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò trước, trong và sau khi phạm tội. Tuy nhiên, hai nhóm sử dụng súng bắn đạn thể thao, đạn chì, dao tự chế, dao phóng lộn, “bom xăng”, vỏ chai bia thủy tinh, gạch, đá,...la hét rượt đuổi đánh, ném và bắn nhau gây náo loạn mất trật tự khu dân cư, gây thương tích cho người khác. Với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện các bị cáo là những người coi thường pháp luật, hành vi của các bị cáo ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Toà án nhân dân TP Biên Hoà đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **N**; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo còn lại để xét xử các bị cáo với mức án nêu trên là đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có mức án phù hợp. Mặc dù bị cáo **Lâm Thành N**, **Lê Gia H1**, **Bùi Quốc H** có cung cấp thêm tình tiết mới nhưng đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo **Lâm Huỳnh Duy K** cung cấp đơn trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền

địa phương xác nhận, nhưng **Lâm Huỳnh Duy K** là người trực tiếp rủ **Nguyễn Trọng Đ5 (Đ)**. Sau khi được rủ, Trọng Đức chuẩn bị và mang theo 03 (ba) dao phông lộn để tham gia. Với tính chất, mức độ tham gia của bị cáo, mặc dù bị cáo **K** cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp nên không giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo.

[3] Về án phí HSPT: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lâm Thành N, Lâm Huỳnh Duy K, Đỗ Nguyễn Minh A, Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Phú Gia P1, Bùi Quốc H, Châu Trường S, Đỗ Trọng N1**; ông **Lê Văn T** là người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lê Gia H1**, ông **Đỗ Phi K1** là người đại diện hợp pháp của bị cáo **Đỗ Nguyễn Minh A** về việc xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 742/2023/HS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

2/ Tuyên bố các bị cáo **Lâm Thành N, Lâm Huỳnh Duy K, Đỗ Nguyễn Minh A, Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Phú Gia P1, Bùi Quốc H, Châu Trường S, Đỗ Trọng N1, Lê Gia H1** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: **L (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: **Lâm Huỳnh Duy Khang 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Huỳnh Thanh P 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Lê Gia H1 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Đỗ Nguyễn Minh A 01** (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Đỗ Trọng N1 01** (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Bùi Quốc H 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Phú Gia P1 01** (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Nguyễn Huỳnh Thanh Q 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: **Châu Trường Sang 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo **Lâm Thành N, Lâm Huỳnh Duy K, Đỗ Nguyễn Minh A, Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Phú Gia P1, Bùi Quốc H, Châu Trường S, Đỗ Trọng N1**; ông **Lê Văn T**, ông **Đỗ Phi K1** mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án ND TP Biên Hòa;
- Viện kiểm sát huyện Biên Hoà;
- CQCSĐT CA TP Biên Hoà;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA TP Biên Hoà;
- Chi cục THADS TP Biên Hoà;
- Các bị cáo, Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Sở TP tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Trung